

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHỐI MẪU GIÁO NHỖ (4 – 5 TUỔI)

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường;

Căn cứ vào Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế, khối mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi) xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện
STT	Mục tiêu giáo dục		
I. Phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào thở ra, gà gáy... - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước; sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lung, bụng; lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1-> 9
2	- Trẻ có kỹ năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	- Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối	3, 6 1 2
3	- Biết kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn. - Chạy chậm 60-80 m - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	4 9 7, 8
4	- Biết phối hợp tay- mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Tung bóng lên cao và bắt	1 4 2

	đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp + Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).	- Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân - Trèo lên xuống 5 gióng thang - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m).	9 3 7 4 6
5	- Biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2 m) + Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy liên tục 15m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m - Bò bằng bàn tay bàn chân 3-4m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	5 5 2, 7 6 3 1, 8 5 9
		-BAT – nhảy +BAT liên tục về phía trước +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô +BAT xa 35-40cm +BAT nhảy từ trên cao xuống (cao 30 -35cm) +BAT qua vật cản cao 10-15cm +Nhảy lò cò 3m +BAT xa 35 – 40cm, ném xa bằng 1 tay +BAT xa, ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m, cao 1,2m)	1 3 4 5 7 6 8 9
6	- Biết thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn vặn, búng ngón tay, vê, véo vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...	1,2
7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: +Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Tô, vẽ hình. - Xé, cắt đường thẳng - Lắp ghép hình - Gập giấy. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	2, 3, 5

	+ Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + TỰ cài, cời cúc, buộc dây giày		
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)	2
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn hàng ngày của bé.	5, 6
10	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	2, 6
11	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + TỰ rửa tay bằng xà phòng. + TỰ lau mặt, đánh răng. + TỰ thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + TỰ thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	1,2
12	- TỰ cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	1
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống. + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...	1,8

	+ Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Không uống nước lã.	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giấy khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định.	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + Bỏ rác đúng nơi qui định.	3,4,8
15	- Biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	3
16	- Biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		8
17	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không ăn thức ăn có mùi		1,4,5

	ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		
18	Biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3,8

II. Phát triển nhận thức

1) Khám phá khoa học

19	- Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống khi có thiên tai và biến đổi khí hậu. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây khi có BĐKH. (VD: Thấy đất cứng lấy bàn cào sỏi đất cho tơi....)	5, 6, 8
20	- Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác	1,6->8

	tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	hại đối với con người. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hoạt động của các ptgt và ngược lại. - Các nguồn nước trong môi trường sống.	
21	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		8
22	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.		2,3,5
23	- Biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	1,3,6
24	- Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	8
25	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu	7
26	- Trẻ có khả năng nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
27	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	2,4

	tạo hình...		
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
28	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3->9
29	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
30	- Trẻ có thể so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
31	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	3->5
32	- Trẻ có thể tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3->5
33	- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	3->5
34	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	5
35	- Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	7
36	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	4,8
37	- Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	1

	chữ nhật,...)	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
38	- Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		2
39	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2
40	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
3. Khám phá xã hội			
41	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. Bạn trai và bạn gái được bảo vệ, chăm sóc, đối xử công bằng như nhau, được bày tỏ ý kiến nguyện vọng của mình. Tin tưởng bé trai bé gái đều có khả năng như nhau trong học tập và đạt kết quả	2
42	- Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3
43	- Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (thôn, xóm, bản) khi được hỏi, trò chuyện.	- Hoạt động của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường và hạn chế biến đổi khí hậu.	3
44	- Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
45	- Trẻ có thể nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
46	- Trẻ có thể nói tên và một	- Họ tên và một vài đặc điểm của các	1

	vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	
47	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Mối liên hệ của nghề sản xuất gây ô nhiễm môi trường dẫn đến biến đổi khí hậu và gia tăng thiên tai.	4
48	- Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội của Điện Biên: hội Đền Hoàng Công Chất, lễ hội hoa ban...	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của Điện Biên: Tượng đài chiến thắng, hầm Đờ cát, đồi A1...	1, 3, 4, 6, 7,9
49	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở Điện Biên.	- Một số lễ hội và hoạt động nổi bật của những lễ hội: hội Đền Hoàng Công Chất, lễ hội hoa ban, ngày khai giảng, tết trung thu...	9

III. Phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

50	- Biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - Hiểu và thực hiện được 2, 3 yêu cầu bằng Tiếng Việt.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu	1,2
51	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm	1,4,5, 6
52	- Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù	2,3,7,9

		hợp với độ tuổi	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
53	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai?; cái gì?; ở đâu?; khi nào?; để làm gì?...	3,4
54	- Biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... - Sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	5,8
55	- Biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	4,5,7,9
56	- Biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại truyện đã được nghe	3,7,9
57	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	1->9
58	- Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	3,7,9
59	- Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch	5,6, 7
60	- Biết sử dụng các từ như: “Mời cô, “mời bạn”, “cám ơn”, “xin lỗi” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,8,9
61	- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	4,7,9
3. Làm quen với việc đọc – viết			
62	- Biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	4,7

		- Giữ gìn, bảo vệ sách	
63	- Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Đóng kịch	6,7
64	- Biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	4, 5, 6, 7, 8, 9
65	- Biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,7
66	Nhận ra 1 số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt	Nhận dạng được 1 số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt.	4, 5, 6, 7, 8, 9
67	- Biết sử dụng kí hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, tập đồ các nét chữ	7,9
IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
68	- Biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính.	2,3
69	- Biết nói được những việc gì bé có thể làm được: Có thể nhặt rau, bóc quả..	- Sở thích, khả năng của bản thân.	5,6
70	- Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	1,2,6,7,9
71	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Xếp ghế, kê bàn, xếp bát....	2,3
72	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình	2
73	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2
74	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về	9

75	- Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Bác Hồ	9
76	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Điện Biên.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
77	- Biết thực hiện được một số quy định ở lớp mầm non, gia đình và cộng đồng gần gũi: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” - “xấu”	1,3, 7
78	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	2
79	- Biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.		1
80	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	2,3
81	- Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn	2,4,8
82	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” - “xấu”	5,6
83	- Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1
84	- Không bẻ cành, ngắt hoa.	- Bảo vệ chăm sóc cây cối.	5, 6
85	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
V. Phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
86	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm	- Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ	2,4,6,8,9

	và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	thuật.	
87	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		1,3,4,5 ,7,8, 9
88	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		4,8,9
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
89	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát - Trẻ được nghe các loại nhạc khác nhau, nhạc thiếu nhi.	1->9
90	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	1->9
91	- Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	2->8
92	- Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét	1,3,4,7 ,8
93	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Tự chọn dụng cụ nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	2,3,5,6 ,7,9
94	- Biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1,4,5,6
95	- Biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các		4,6,9

	sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		
96	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét	2,4,8
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
97	- Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	5,6,9
98	- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu.	4,6,9
99	- Biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Trẻ biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình	4,6->9
100	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm theo ý thích.	5,7,8,9

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày đến ngày)	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Ghi chú
Tháng 9 Từ 8/9 đến 3/10/2025	1	Trường MN- Tết trung thu	- Trường mầm non thân yêu của bé	1		8- 12/9
			- Lớp học thân yêu của bé	1		15-19/9
			- Đồ dùng, đồ chơi của bé	1		22-26/9
			- Bé vui tết trung thu	1	Tết trung thu	29-3/10
Tháng 10	2		- Bé là ai?	1		6-10/10
			- Cơ thể của bé	1		13-17/10

Từ 6/10 đến 31/10		Bản thân	- Bé cần gì để lớn và khoẻ mạnh?	1		20-24/10
			- Dinh dưỡng của bé	1		27-31/10
Tháng 11 Từ 3/11 đến 28/11	3	Gia đình – Ngày 20/11	- Gia đình của bé	1		3-7/11
			- Gia đình sống chung một mái nhà	1		10-14/11
			- Ngày hội của cô giáo 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11	17-21/11
			- Đồ dùng trong gia đình bé	1		24-28/11
Tháng 12 Từ 1/12 đến 26/12	4	Ngành nghề - 22/12	- Nghề nông dân	1		1-5/12
			- Nghề truyền thống ở địa phương	1		8-12/12
			- Ngày QĐNDVN	1		15-19/12
			- Một số nghề trong xã hội	1		22-26/12
Tháng 01 Từ 29/12 đến 23/1/2026	5	Động vật	- Những con vật nuôi trong gia đình	1		29-2/1
			- Những con vật sống trong rừng	1		5-9/1
			- Những con vật sống dưới nước	1		12-16/1
			- Con côn trùng và chim	1		19-23/1
Tháng 02 Từ 26/1 đến 27/2/2026	6	Thực vật – Tết Nguyên Đán	- Một số loại hoa	1		26-30/1
			- Một số loại quả.	1		2-6/2
			- Tết và mùa xuân	1		9-13/2
			Nghỉ tết Nguyên Đán dự kiến từ ngày 14/2 đến hết ngày 20/2/2026			
			- Một số loại rau	1		23- 27/2
Tháng 03 Từ 2/3 đến 27/3/2026	7	Phương tiện giao thông – Ngày 8.3	- Ngày hội 8/3	1		2-6/3
			- Phương tiện giao thông đường bộ	1		9-13/3
			- 1 số phương tiện giao thông đường thủy, hàng	1		16-20/3

			không			
			- 1 số qui định giao thông phổ biến	1		23-27/3
Tháng 04 Từ 30/3 đến 17/4/2026	8	Nước và hiện tượng tự nhiên	- Nước	1		30-3/4
			- Các hiện tượng thiên nhiên	1		6-10/4
			- Mùa hè	1		13-17/4
Tháng 05 Từ 20/4 đến 15/5/2026	9	Quê hương- đất nước BH	- Quê hương của bé			20-24/4
			Ôn, nghỉ lễ 10/3, 30/4, 1/5			27-29/4
			- Thủ đô Hà Nội			4-8/5
			- Bác Hồ kính yêu			11-15/5
			- Tết thiếu nhi			18- 22/5
Tổng cộng				35 tuần		
Thời gian còn lại tổ chức các hoạt động ôn tập, tham quan, trải nghiệm						

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

TỔ TRƯỞNG

Tạ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Mỹ Yên

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt)

Phạm Thị Duyên

